CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

CTCP Tập đoàn Danh Khôi

Ngày 15/01/2024	4,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	4.4%	**-6.0%**	**-**

DT thuần
Q4/23
1.65
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.60| 56.9%
YoY: ▲ 0.77| 87.2%

LN thuần
Q4/23
53.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 72.2| 394%
YoY: ▲ 111| 194%

LN sau thuế
Q4/23
30.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.3| 69.3%
YoY: ▲ 90.3| 150%

Tỷ lệ lãi EBIT
2023
1923%
YoY: +/-▲ 1927%

ROE
2023
1.0%
YoY: +/-▲ 6.9%

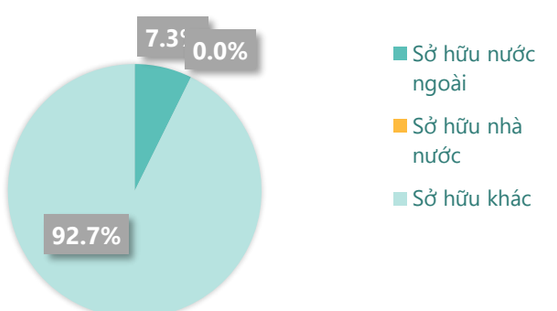
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	3,700 - 7,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	435
Số lượng CPLH (CP)	92,597,762
KLGD BQ 20 phiên (CP)	824,335
Sở hữu nước ngoài	7.3%
Beta	1.50
EPS	133
P/E	36.2

DT thuần
2023
4.63
tỷ VNĐ
YoY: ▼189| -97.6%

LN thuần
2023
-39.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 20.1| 33.8%

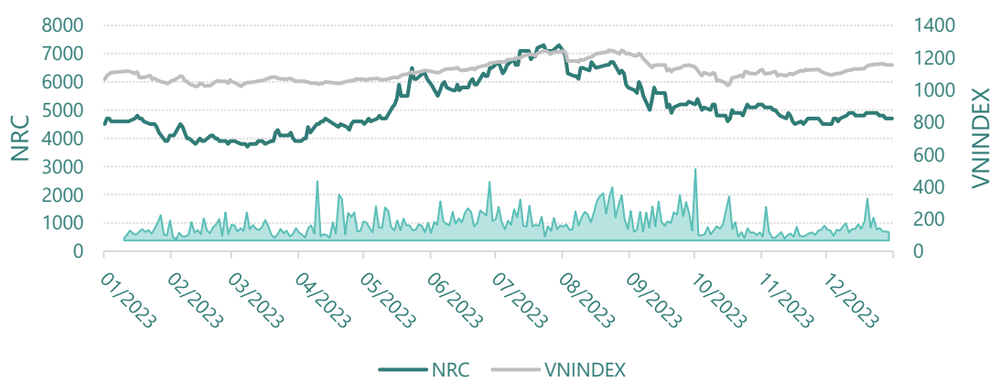
LN sau thuế
2023
12.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 85.1| 117%

Cơ cấu sở hữu

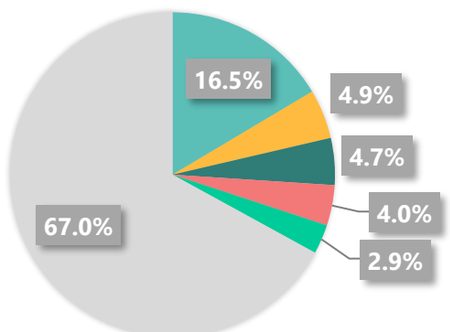


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

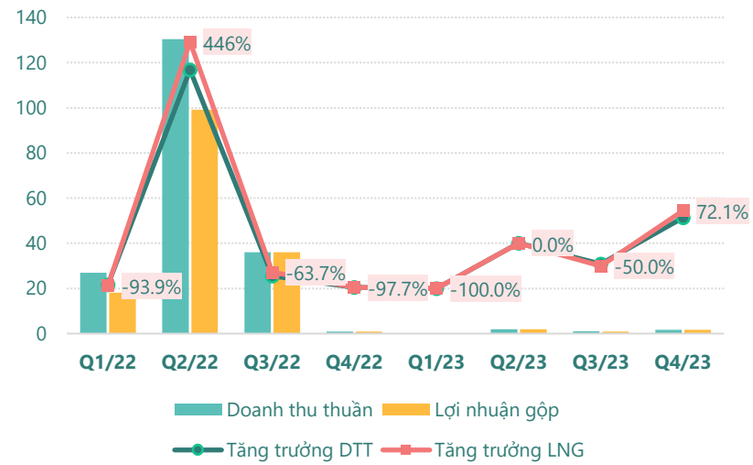


- Hà Thị Kim Thanh
- CTCP Đầu tư PiXi
- Sanei Architecture Planning Co.,Ltd
- Đào Thị Bạch Phượng
- Lê Thống Nhất (Chủ tịch HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

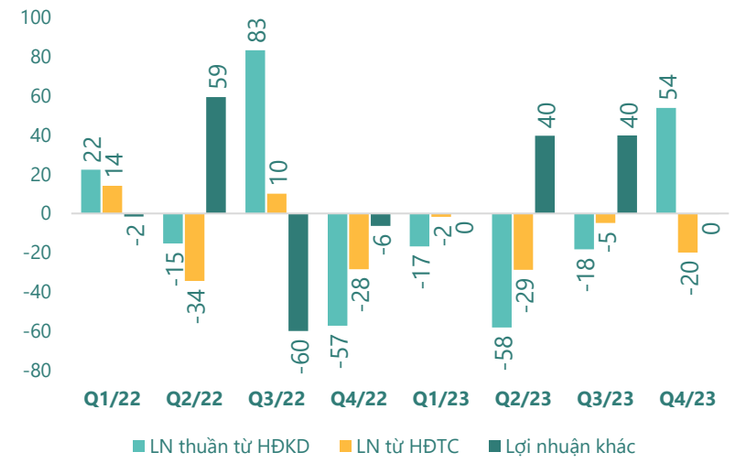
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



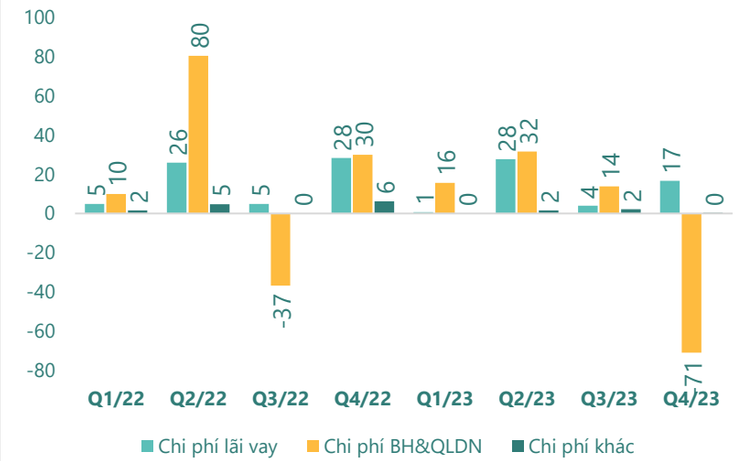
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



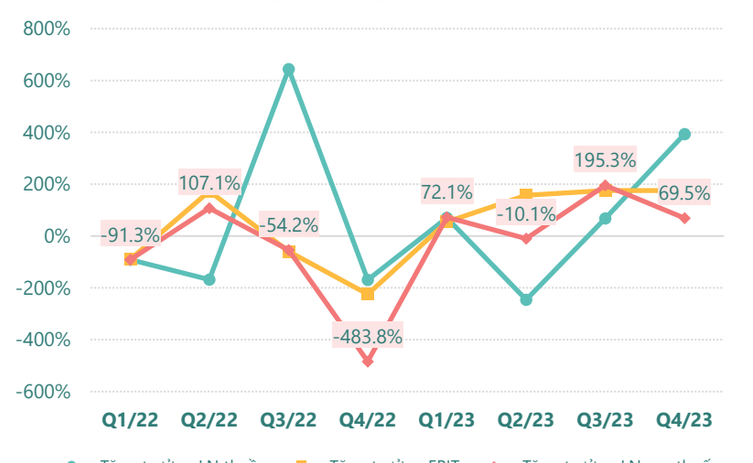
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



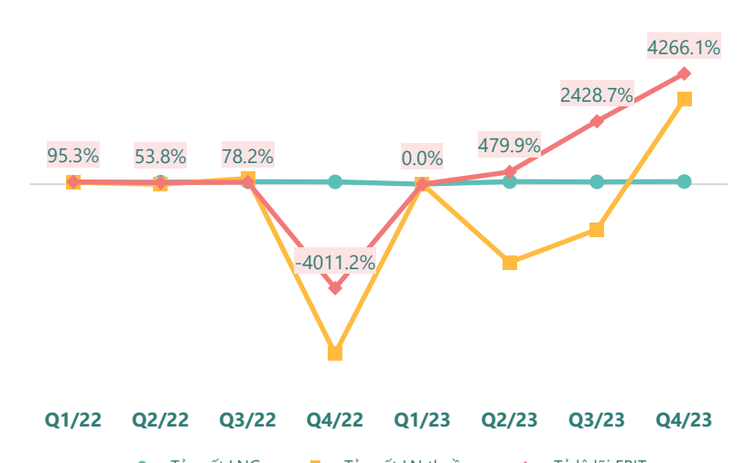
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



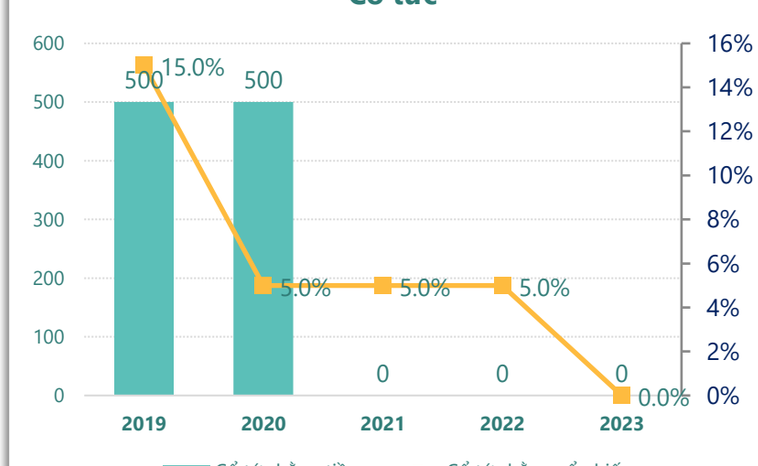
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

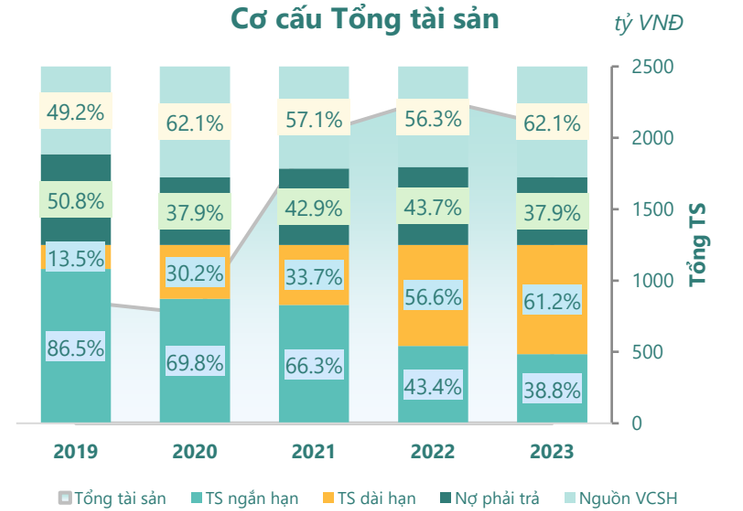
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

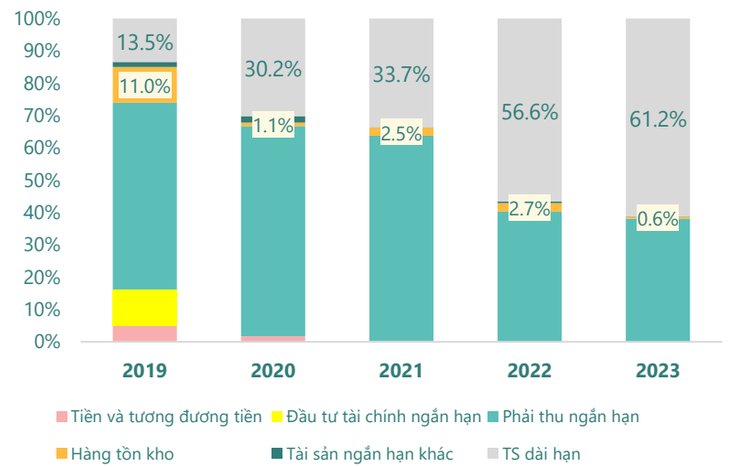
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



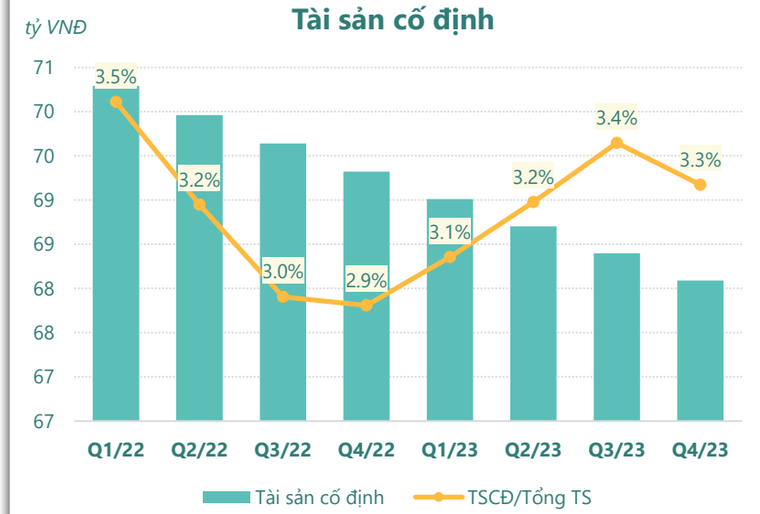
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



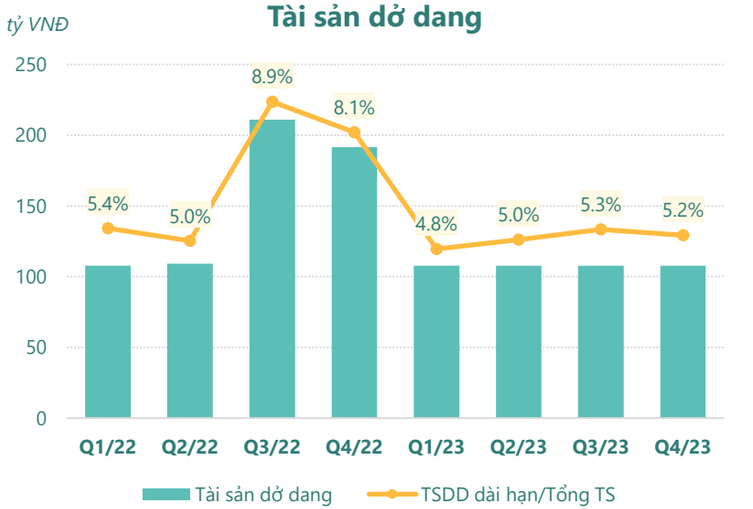
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



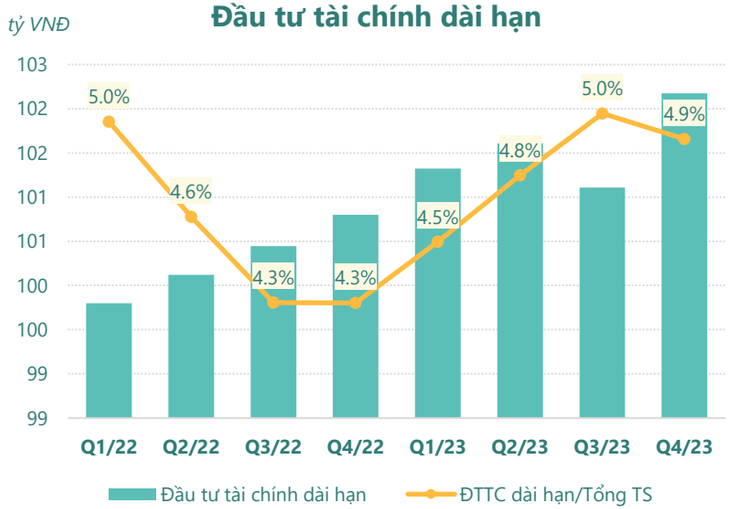
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



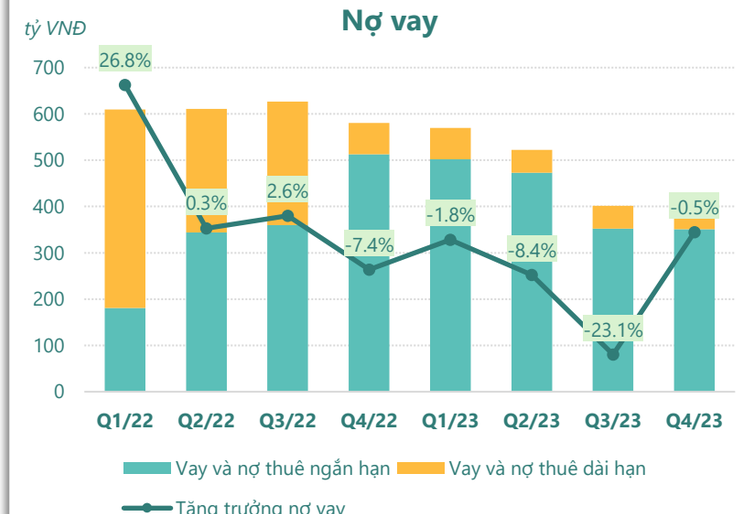
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

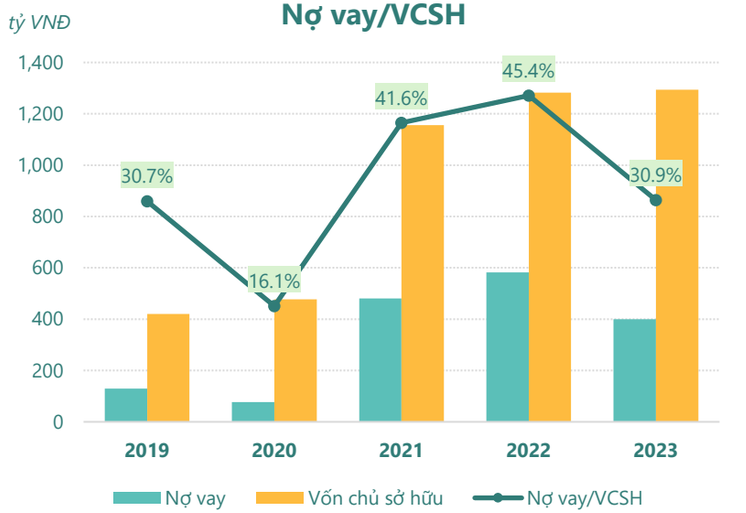
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

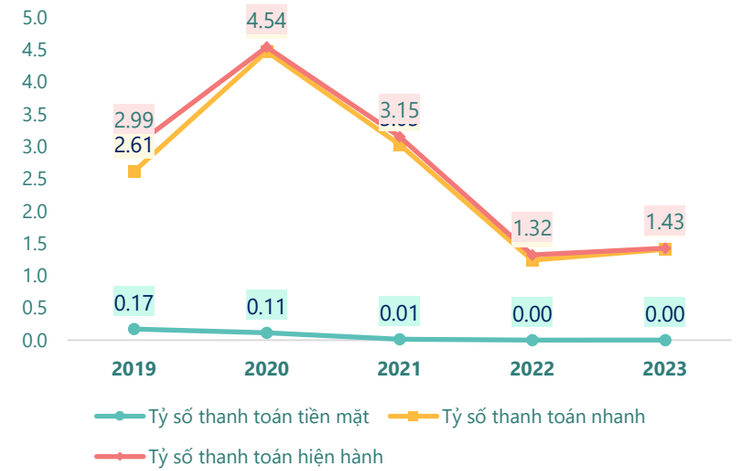
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



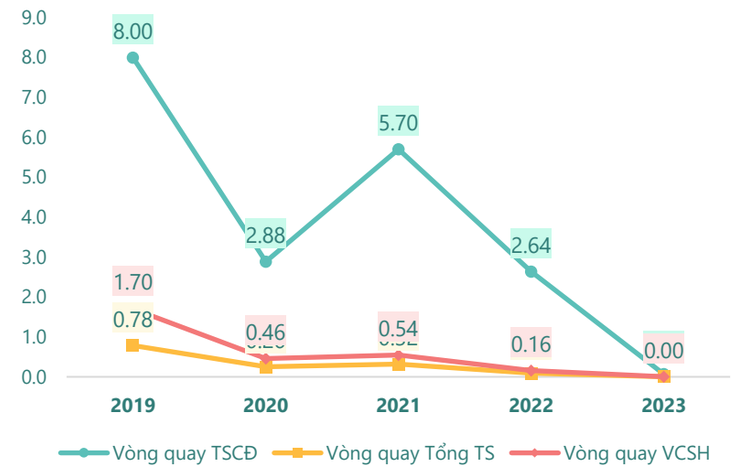
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



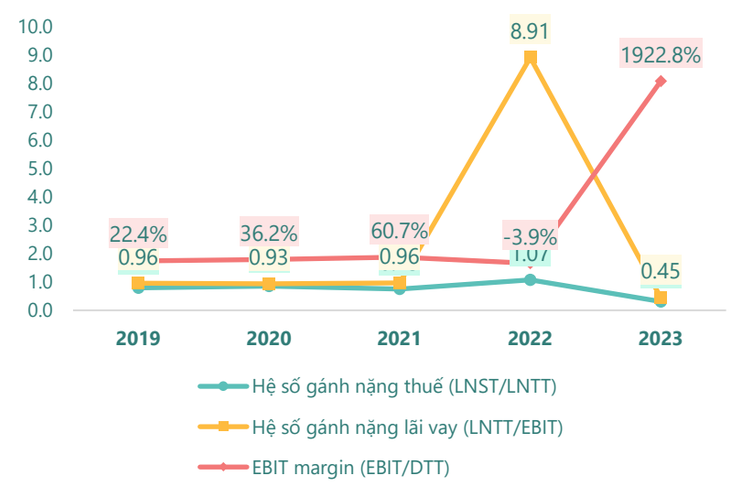
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



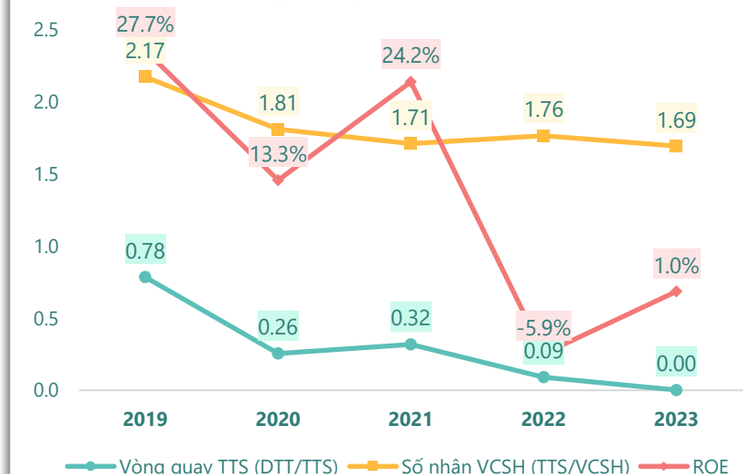
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



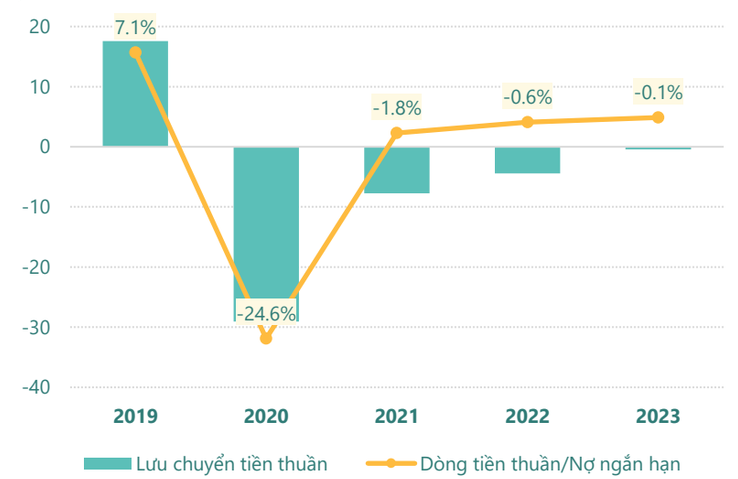
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1.65**	**0.88**	**87.2%**	**4.63**	**194**	**-97.6%**
Giá vốn hàng bán	0.02	0.05	-60.5%	0.16	40.1	-99.6%
Lợi nhuận gộp	1.63	0.83	96.1%	4.47	154	-97.1%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	25.6	-100.0%
Chi phí TC	19.9	28.4	-30.1%	55.2	64.1	-13.9%
Chi phí lãi vay	16.7	28.4	-41.0%	49.3	60.3	-18.2%
LN trong công ty LKLD	**1.07**	**0.35**	**204%**	**1.38**	**1.00**	**37.9%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	15.1	-100%
Chi phí QLDN	**-71.1**	**30.0**	**-337%**	**-9.92**	**161**	**-106%**
LN thuần từ HĐKD	53.9	-57.2	194%	-39.5	-59.6	33.8%
Lợi nhuận khác	**-0.34**	**-6.28**	**94.5%**	**79.2**	**-8.34**	**1049%**
LN trước thuế	53.5	-63.5	184%	39.7	-67.9	158%
Lợi nhuận sau thuế	**30.0**	**-60.3**	**150%**	**12.3**	**-72.8**	**117%**
LNST của CĐ cty mẹ	**30.0**	**-60.3**	**150%**	**12.3**	**-72.5**	**117%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-226	137	1.24	23.4	122	0.28
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	214	-96.6	11.8	27.8	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	12.3	-42.1	-12.2	-52.8	-122	0
Tiền đầu kỳ	2.29	2.69	1.33	2.19	0.62	0.61
Lưu chuyển tiền thuần	**0.40**	**-1.36**	**0.86**	**-1.56**	**-0.01**	**0.28**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.69	1.33	2.19	0.62	0.61	0.90

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	**2,083**	**2,277**	**-8.5%**
Tài sản ngắn hạn	808	989	-18.3%
Tiền và tương đương tiền	0.90	1.33	-32.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	794	915	-13.2%
Hàng tồn kho	11.6	61.1	-81.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.63	11.4	-85.7%
Tài sản dài hạn	**1,275**	**1,288**	**-1.0%**
Phải thu dài hạn	931	935	-0.4%
Tài sản cố định	68.1	69.3	-1.8%
Bất động sản đầu tư	66.2	66.2	0.0%
Tài sản dở dang	108	108	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	102	101	1.4%
Tài sản dài hạn khác	**0.14**	**9.64**	**-98.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	789	995	-20.7%
Nợ ngắn hạn	**567**	**748**	**-24.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	351	514	-31.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.71	11.1	-39.8%
Nợ dài hạn	222	246	-9.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	48.5	68.0	-28.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,294**	**1,282**	**1.0%**
Vốn chủ sở hữu	**1,294**	**1,282**	**1.0%**
Vốn điều lệ	926	882	5.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)